

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 26-02-2021

V/v “Tranh chấp về hui”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành,

2. Ông Đỗ Công Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện D – tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 “Tranh chấp về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 11/12/2020, Thông báo dời ngày xét xử số 01 ngày 29 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Yến Th - Sinh năm: 1958

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Thôn P, xã Th, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 4195/2020, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/8/2020).

- Bị đơn: Bà Lý Thị Mộng T (tên gọi khác: N) - Sinh năm: 1984

Ông Nguyễn Đức H - Sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/9/2020, bản tự khai ngày 09/9/2020 và ngày 05/10/2020, biên bản đối chất ngày 13/10/2020 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị Yến Th và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đ trình bày: Ngày

15/9/2019 âm lịch, bà Đoàn Thị Yến Th có thỏa Thuận với bà Lý Thị Mộng T chơi 02 dây hội, mỗi dây hội có 16 phần do bà Th làm chủ cái hội, trong thành viên tham gia chơi có vợ chồng bà T và ông H tham gia 02 phần, mỗi phần đóng góp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng, thời gian đóng góp kể từ ngày 15/9/2019 Âm, kết thúc dây hội là ngày 16/12/2020 Âm, tiền huê hồng cho chủ cái hội mỗi lần sổ hội là 2.500.000 đồng, tiền lãi hội tùy thuộc vào mỗi lần sổ hội, do người nào bỏ số tiền lời cao thì sẽ được hốt phần hội đó trong ngày sổ hội. Bà Th có lập sổ theo dõi số người tham gia chơi và số người đóng tiền hội hàng tháng và bà đã nộp cho Tòa án 02 bản pho to danh sách người tham gia chơi hội và kỳ đóng hội theo biên bản giao nhận tài liệu ngày 05/10/2020.

Ngày 15/12/2019 âm lịch, bà T hốt phần hội thứ nhất. Bà Th có giao cho bà T tờ giấy tính tiền hội khi sổ hội “ngày 15/12/2019 Âm” mà bà T nộp cho Tòa án theo biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 25/8/2020. Vào ngày 16/12/2019 Âm, bà T viết “Giấy nhận tiền huê” với số tiền nợ hội là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), đồng thời cam kết “Hàng tháng tôi phải đóng cho chị Th 10 triệu, kể từ ngày 16/01/2020 đến 16/12/2020 âm lịch là hết.”, nhưng phần hội này vợ chồng bà T chỉ đóng được 03 tháng gồm: Tháng 01, tháng 02 và tháng 04 âm lịch đầu, còn tháng 03 bà T đóng thêm số tiền 2.000.000 đồng, tháng 04 âm lịch sau (nhuận) đến nay không tiếp tục đóng tiền hội cho bà Th. Như vậy, phần hội này tính đến tháng 12 âm lịch thì vợ chồng bà T và ông H còn nợ bà Th số tiền là 88.000.000 đồng (Tám mươi tám triệu đồng).

Ngày 15/01/2020, bà T và ông H hốt phần hội thứ hai. Bà Th có giao cho bà T tờ giấy tính tiền hội khi sổ hội “ngày 15/01/2020 Âm” mà bà T đã nộp cho Tòa án theo biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ lập ngày 25/8/2020, có nội dung: số tiền được nhận là 122.200.000 đồng trừ 10.000.000 đồng của 01 phần hội “chết”, còn lại số tiền 112.200.000 đồng (trong tờ giấy tính tiền hội có trừ 52.000.000 đồng là số tiền cần trừ nợ trước đây của ông H đã nợ, việc này bà T có nói với ông Hậu), có chữ ký của ông H và bà T – bà T ký thay ông H. Ngày 16/01/2020, bà T làm giấy nhận tiền hội với số tiền 110.000.000 đồng và cam kết “Hàng tháng kể từ ngày 16/2/2020 tôi phải đóng 10 triệu đồng cho đến 16/12/2020. Hoàn trả đủ”. Tuy nhiên, đối với phần hội này vợ chồng bà T và ông H chỉ đóng được một tháng tiền hội là tháng 02, sau đó không tiếp tục đóng cho bà Th nữa. Phần hội này tính đến tháng 12/2020 âm lịch vợ chồng bà T, ông H còn nợ bà Th số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền hội của 02 phần hội mà vợ chồng bà T, ông H tham gia chơi tính đến tháng 12/2020 âm lịch còn nợ của bà Th là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng). Nguyên đơn bà Đoàn Thị Yến Th yêu cầu vợ chồng bà Lý Thị Mộng T và ông Nguyễn Đức H phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Th một lần dứt điểm số tiền còn nợ của 02 phần hội tính đến ngày 16/12/2020 âm lịch là 188.000.000 đồng để bà Th thanh toán cho các thành viên khác nhằm tránh việc bị vỡ hội.

** Tại các bản tự khai ngày 25/8/2020 và ngày 11/9/2020, biên bản đối chất ngày 13/10/2020 cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lý Thị Mộng T trình bày: Bà T thống nhất với tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn liên quan đến thời gian tham gia chơi hội và số nợ tiền hội còn nợ bà Đoàn Thị Yến Th của hai dây hội là 188.000.000 đồng (Một*

trăm tám mươi tám triệu đồng). Bà T sử dụng tiền hụi đã nhận của hai dây hụi để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và một phần để vợ chồng bà cho người khác vay. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện kinh tế của vợ chồng bà rất khó khăn, nên bà đề nghị bà Th cho bà và ông H trả số nợ tiền hụi nêu trên theo phương thức: trả dần cho bà Th mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2020, bản tự khai ngày 11/9/2020, biên bản đối chất ngày 13/10/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:* Ông H thông nhất theo lời trình bày của vợ ông là bà Lý Thị Mộng T, việc tham gia chơi hụi do bà Đoàn Thị Yến Th làm chủ cái thì ông không trực tiếp tham gia chơi. Ông không biết vợ ông có sử dụng tiền hụi để cho vay hay sinh hoạt gia đình hay không. nhưng ông có vay nợ của bà Đoàn Thị Yến Th, tính đến trước ngày 16/01/2020 ông còn nợ bà Th số tiền gốc 50.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền lãi. Vào ngày 16/01/2020, ông có nghe bà T nói có tham gia chơi hụi với bà Th và hốt phần hụi thứ hai, bà Th đã căn trừ số tiền nợ nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu vợ chồng ông chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Th số tiền hụi còn nợ là 188.000.000 đồng thì ý kiến của ông như sau: vợ ông xác nhận còn nợ tiền hụi với số tiền nêu trên thì ông đồng ý cùng bà T trả nợ, nhưng điều kiện kinh tế của vợ chồng ông khó khăn nên đề nghị bà Đoàn Thị Yến Th cho vợ chồng ông thanh toán theo phương thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ tiền hụi 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

[1.1] Về số tiền hụi còn nợ: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Lý Thị Mộng T và ông Nguyễn Đức H chịu trách nhiệm liên đới trả tiền hụi còn nợ là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng). Bà T và bà Th xác nhận các nội dung tại các tài liệu, chứng cứ mà hai bên đã giao nộp có tại hồ sơ vụ án là do hai bên đã thỏa Thuận. Bà T xác nhận đến nay còn nợ tổng số tiền nêu trên và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Mặc dù ông H là chồng của bà T không trực tiếp tham gia chơi hụi nhưng có biết việc bà Th trừ tiền nợ do ông H đã mượn khi bà T hốt hụi và đồng ý cùng bà T trả nợ tiền hụi cho bà Th. Mặt khác, bà T sử dụng tiền hụi để làm vốn cho vay và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, tức bà T đã thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà T và ông H cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là có cơ sở. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc bà T và ông H phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Đoàn Thị Yến Th số tiền hụi còn nợ 188.000.000

đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hộ, Hội, Biếu, Phưởng.

[1.2] Về phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu trả một lần hết số tiền nợ hội nêu trên. Bà T và ông H đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết tiền nợ hội 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng), nhưng nguyên đơn không đồng ý theo đề nghị này của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: 02 dây hội đến ngày xét xử thì chủ cái hội đã thực hiện xong việc Th và đóng hội cho các thành viên tham gia hội. Mặc dù những tháng bà T không đóng tiền hội thì bà Th vẫn nộp tiền thay cho bà T và đến nay đã đóng góp xong các phần hội cho các thành viên tham gia hội 02 dây hội theo thỏa Thuận. Do đó, việc trả dần tiền hội 2.000.000 đồng/tháng theo đề nghị của bị đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th nên không có cơ sở để chấp nhận. Cần buộc bà T và ông H trả một lần hết số tiền nợ hội nêu trên cho bà Đoàn Thị Yến Th là phù hợp.

[2] Về án phí:

- Bà Lý Thị Mộng T và ông Bùi Đức H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm: 188.000.000 đồng x 5% = 9.400.000 đồng (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đoàn Thị Yến Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 351, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 24, Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hộ, Hội, Biếu, Phưởng.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lý Thị Mộng T và ông Nguyễn Đức H phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Đoàn Thị Yến Th 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng) tiền hội còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí:

- Bà Lý Thị Mộng T và ông Nguyễn Đức H phải nộp 9.400.000 đồng (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị Yến Th 4.500.000 đồng + 300.000 đồng = 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D – Khánh Hòa theo biên lai Th tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001744 ngày 11/8/2020 và số AA/2019/0001764 ngày 09/9/2020.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Tín